TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2019/HC-PT
Ngày 11 - 4 - 2019
"V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp giải quyết khiếu nại về đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Phạm Thị Duyên

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 429/2017/TLPT - HC ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp giải quyết khiếu nại về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1172/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi L, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Thị Bích T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Đ; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Hữu Đ1; Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1947 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị L1 là ông Phạm Khắc N sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Ông Bùi L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Bùi L và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Phạm Tấn Sĩ D trình bày: Ông Bùi L khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N về việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1963/QĐ-UBND ngày 07-7-2016 trái pháp luật.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ gia đình ông L theo đúng trình tự thủ tục được niêm yết và thông báo công khai trên loa, danh sách xét cấp cùng đợt có hộ ông Phạm Khắc B. Thư ký của Hội đồng xét duyệt có ông Lê Văn Hùng (con rể ông Phạm Khắc B, em rể ông Phạm Khắc N). Gia đình ông sử dụng đất ổn định đến khi Phó chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận là ông Võ Đ2 duyệt dự án bê tông hóa đường đi, ông Phạm Khắc B đến tranh chấp một phần diện tích đất thửa số 5 của gia đình ông L đang sử dụng. Mẹ ông L là bà Nguyễn Thị R làm đơn gửi chính quyền địa phương và Tòa án nhân dân huyện N yêu cầu giải quyết. Sau đó ông Phạm Khắc B xác định không tranh chấp đất với gia đình ông L và gia đình ông L rút đơn khởi kiện, đồng thời về rào toàn bộ thửa đất và trồng hoa màu, sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Sau thời gian dài, hoa màu trên đất gần đến kỳ thu hoạch, người nhà ông Phạm Khắc N đến hủy hoại hoa màu của ông L, tháo dỡ lưới B40 trụ rào của gia đình ông đem đi, ông Bùi L đã làm đơn tố cáo gửi cơ quan công an nhưng không được giải quyết.

Sau đó bà Bùi Thị L1 có đơn kiến nghị và UBND huyện N đã tổ chức đối thoại. Ngày 07-7-2016 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 kết luận thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1.

Gia đình ông làm đơn khiếu nại Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N. Ngày 07-10-2016 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1963/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L có nội dung không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông Bùi L.

Vì vậy, ông Bùi L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết:

- Hủy Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N về kết luận thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ của hộ bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1;

- Hủy Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07-10-2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L;

- Buộc UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Bùi L khoản lợi nhuận do hoa lợi mang lại là 3.000.000 đồng/03 tháng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện N trình bày:

Ngày 02-3-2016 UBND huyện N nhận đơn của bà Bùi Thị L1 có nội dung kiến nghị diện tích đất của bà đang sử dụng nhưng lại cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị R, đề nghị tách diện tích trên cho bà Bùi Thị L1.

Kết quả thẩm tra, xác minh vụ việc nhận thấy: Thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P có nguồn gốc là đất gò hoang do ông Bùi L2 (cha ruột bà Bùi Thị L1 và là cha chồng bà Nguyễn Thị R) tự khai hoang làm chuồng bò trước năm 1975, khoảng năm 1976 ông Bùi L2 cho vợ chồng bà Nguyễn Thị R (cha mẹ ông Bùi L) thửa đất trên. Vợ chồng bà Nguyễn Thị R tiếp tục khai hoang cải tạo thửa đất trên để sử dụng làm nhà ở và canh tác sản xuất (phần diện tích hiện nay bà Nguyễn Thị R và các con là ông Bùi L và bà Bùi Thị Ngọc T1 đang sử dụng), phần diện tích đất còn lại của thửa đất 524m^2 bà Nguyễn Thị R bỏ hoang.

Khoảng năm 1980, ông Bùi L2 cho vợ chồng bà Bùi Thị L1 khai hoang, cải tạo phần diện tích đất 524m^2 mà bà Nguyễn Thị R bỏ hoang để canh tác sản xuất. Sau khi khai hoang, cải tạo đất vợ chồng bà Bùi Thị L1 có lấp ranh rào phân chia phần diện tích đất 524m^2 này với phần diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị R sử dụng ổn định và trồng cây màu được một thời gian thì bỏ đất trống do đất xấu trồng trọt không hiệu quả.

Năm 1987, vợ chồng bà Bùi Thị L1 cho con là ông Phạm Khắc N phần diện tích đất 524m^2, ông Ngọc tiếp tục cải tạo phần diện tích đất này để trồng trọt đến khoảng năm 1993 thì để trống. Từ năm 1993 cho đến khi xảy ra tranh chấp đất vào năm 2014, ông Phạm Khắc N là người cải tạo và quản lý diện tích đất 524m^2.

Trong quá trình đo đạc đất đai năm 1995 – 1996 để xác lập bản đồ địa chính xã P, đoàn đo đạc đất đai đã sai sót đo cả phần diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị R sử dụng ổn định và diện tích 524m^2 ông Phạm Khắc N sử dụng thành thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P và quy chủ người sử dụng đất là hộ bà Nguyễn Thị R. Trên cơ sở đó, tổ đăng ký cấp GCNQSDĐ thôn T đã căn cứ vào Bản đồ địa chính, sổ mục kê quy chủ sử dụng đất số 5, diện tích 1.639m^2 tờ bản đồ địa chính số 14b xã P cho hộ bà Nguyễn

Thị R để ghi vào đơn xin cấp GCNQSDĐ rồi thông báo cho bà Nguyễn Thị R đến đăng ký. Sau đó tổ đăng ký chuyển đơn xin cấp GCNQSDĐ của hộ bà Nguyễn Thị R lên UBND xã P, cán bộ địa chính xã P kiểm tra đơn xin cấp GCNQSDĐ của hộ bà Nguyễn Thị R về mặt chuyên môn số tờ, số thửa, diện tích đất theo bản đồ địa chính, sổ mục kê rồi thông qua hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã P để xét cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R mà không phát hiện sai sót trên thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2 tờ bản đồ địa chính số 14b xã P có phần diện tích 524m^2 của vợ chồng bà Bùi Thị L1 khai hoang, cải tạo sử dụng từ năm 1980 đến năm 1987 rồi cho con là ông Phạm Khắc N tiếp tục sử dụng quản lý.

Từ năm 1976 cho đến năm 2014 bà Nguyễn Thị R không có thời gian nào khai hoang, cải tạo, quản lý và sử dụng phần diện tích đất 524m^2 hiện đang tranh chấp với bà Bùi Thị L1.

Kiểm tra quá trình đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất thì hộ bà Nguyễn Thị R có đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp với diện tích 4310m^2/3 thửa (gồm đất nhận khoán và đất kinh tế gia đình) và đóng thuế nhà đất với diện tích 300m^2 đất thuộc thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2 tờ bản đồ địa chính số 14b xã P (phần diện tích đất còn lại của thửa đất không đóng thuế).

Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh vụ việc UBND huyện N ban hành Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 kết luận việc thẩm tra cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1 với nội dung: *"Việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P cho hộ bà Nguyễn Thị R theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu K 854645 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00893 QSDĐ/406/QĐ/H/1998 là không đúng quy định pháp luật, bởi vì tổng diện tích 1.639m^2 thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R có phần diện tích đất 524m^2 của vợ chồng bà Bùi Thị L1 khai hoang, cải tạo sử dụng từ năm 1980 sau đó cho con là ông Phạm Khắc N tiếp tục cải tạo, sử dụng và quản lý từ năm 1987 cho đến nay".*

Không đồng ý với nội dung Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N, ông Bùi L có đơn khiếu nại Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 đến UBND huyện N. Ngày 15-8-2016 UBND huyện N thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Bùi L. Quá trình thẩm tra xác minh nội dung khiếu nại ông Bùi L không cung cấp được các thông tin chứng cứ và tình tiết mới. Trên cơ sở thẩm tra xác minh vụ việc ngày 07-10-2016, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1963/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Bùi L với nội dung không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Bùi L và giữ nguyên Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N.

Từ những phân tích trên, việc UBND huyện N ban hành Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 và Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07-10-2016 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1 trình bày:

Toàn bộ diện tích 1.639m^2, thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P là do ông Bùi L2 cha bà khai hoang trước năm 1975. Năm 1976 cha bà cho vợ chồng người em là ông Bùi Lũy và bà Nguyễn Thị R khoảng 1.000m^2 để sử dụng và làm nhà ở, phần diện tích đất còn lại khoảng 500m^2 là đất hoang vợ chồng bà Nguyễn Thị R không sử dụng. Năm 1980, ông Bùi L2 cho vợ chồng bà phần diện tích 500m^2 để cải tạo, sử dụng. Năm 1987, vợ chồng bà cho con là ông Phạm Khắc N phần diện tích đất này để sử dụng đến năm 2014 thì xảy ra tranh chấp với bà Nguyễn Thị R. Từ năm 1980 cho đến nay vợ chồng bà và con là ông Phạm Khắc N quản lý và sử dụng diện tích đất này.

Những gì ông Bùi L trình bày là không đúng sự thật, bà đồng ý với nội dung trình bày của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi L về việc:

- Hủy Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N về kết luận thẩm tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1;

- Hủy Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07-10-2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L;

- Buộc UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Bùi L khoản lợi nhuận do hoa lợi mang lại là 3.000.000 đồng/03 tháng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06-10-2017, người khởi kiện ông Bùi L có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và hủy Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N về kết luận thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ, và Quyết định số 1963/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Bùi L ủy quyền cho bà Trần Thị Bích T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Bà Thủy cho rằng UBND huyện N ban hành Thông báo

số 459 và Quyết định số 1936 là trái pháp luật, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N về kết luận thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ và Quyết định số 1963/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L, đồng thời cũng đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do có nhiều vi phạm về tố tụng.

Bên người bị kiện có ông Nguyễn Hữu Đ1 trình bày ý kiến không đồng ý với ý kiến của bên người khởi kiện, bảo lưu quan điểm giữ nguyên quyết định của UBND huyện N, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Bùi L, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi liên quan trình bày thống nhất theo Quyết định của UBND huyện N.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: về tố tụng người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng trình tự theo Luật tố tụng hành chính, vị kiểm sát viên cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi L, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi L. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Các đương sự cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm chứng cứ gì mới, và cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi L là trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy *Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 20-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:* Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi L về việc yêu cầu hủy Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N về kết luận thẩm tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07-10-2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L, cư ngụ tại thôn T, xã P, huyện N, là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét yêu cầu hủy Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N về kết luận thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ của hộ bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1 (Viết tắt là Thông báo số 459):

[4] Về trình tự thủ tục ban hành Thông báo số 459:

- Ngày 02-3-2016 UBND huyện N nhận đơn của bà Bùi Thị L1 có nội dung kiến nghị diện tích đất của bà đang sử dụng nhưng lại cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị R, đề nghị tách diện tích trên cho bà Bùi Thị L1.

- Ngày 09-3-2016, UBND huyện N có công văn gửi Thanh tra huyện N về việc giải quyết đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1.

- Ngày 12-4-2016, UBND huyện N ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTH về việc thành lập tổ xác minh nội dung đơn của bà Bùi Thị L1.

- Ngày 05-7-2016, Thanh tra huyện N có Báo cáo số 30/BC-TTH kết luận thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1.

- Ngày 07-7-2016, UBND huyện N ban hành Thông báo số 459/TB-UBND kết luận thẩm tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1.

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ:

b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan thanh tra cùng cấp thẩm tra; nếu kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;

Đối chiếu với quy định của pháp luật nêu trên thì UBND huyện N đã ban hành Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 đúng trình tự, thủ tục.

[5] Về thẩm quyền ban hành Thông báo số 459:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì UBND huyện N mới là chủ thể có thẩm quyền ban hành Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016. Phía cuối Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 phải là chủ tịch UBND huyện N thay mặt UBND huyện N (Phó chủ tịch ký thay Chủ tịch) ký ban hành văn bản này mới đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, sau khi xem xét nội dung của văn bản, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy, nếu việc hủy văn bản này mà việc ban hành lại không thay đổi về mặt nội dung thì sẽ kiến nghị UBND huyện N rút kinh nghiệm trong việc ký ban hành văn bản.

[6] Về nội dung của Thông báo số 459:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2, tờ bản đồ số 14b xã P có nguồn gốc là đất gò hoang của thôn H, xã P do ông Bùi L2 (cha ruột bà Bùi Thị L1 và là cha chồng bà Nguyễn Thị R) tự khai hoang làm chuồng bò trước năm 1975. Khoảng năm 1976, ông Lâu cho vợ chồng bà Nguyễn Thị R thửa đất trên. Vợ chồng bà Rứa chỉ sử dụng một phần diện tích trên để làm nhà ở và cải tạo sản xuất, phần diện tích còn lại 524m^2 bà Rứa bỏ hoang đến năm 1980 ông Bùi L2 cho vợ chồng bà Bùi Thị L1 khai hoang, cải tạo trồng cây màu được một thời gian thì bỏ đất trống do đất xấu trồng trọt

không hiệu quả. Năm 1987, vợ chồng bà Bùi Thị L1 cho con là ông Phạm Khắc N sử dụng phần diện tích đất này để trồng nho đến năm 1993 thì bỏ trống do trồng trọt không hiệu quả. Năm 1995, đoàn đo đạc và thành lập bản đồ địa chính lên đo đạc và thể hiện hình thửa đất là đo bao (chung thửa đất giữa ông Bùi Lũy và ông Phạm Khắc N), lúc này đã quy chủ cho bà Nguyễn Thị R là chủ sử dụng đất. Trên cơ sở đã quy chủ, đến năm 1998 Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xét cấp cho bà Nguyễn Thị R là chủ sử dụng đất với diện tích là 1.639m^2 tại thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 14b và được UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị R vào ngày 29-10-1998.

[7] Tại Báo cáo số 40/BC-NC ngày 22-6-2016 của UBND xã P báo cáo về tình hình tổ chức kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ vào những năm 1997 – 1998 trong đó có thửa số 5, tờ bản đồ số 14b, diện tích 1.639m^2 của hộ bà Nguyễn Thị R thôn T, đã xác nhận Trong quá trình đo đạc đất đai năm 1995 – 1996 để xác lập bản đồ địa chính xã P, đoàn đo đạc đất đai đã sai sót đo cả phần diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị R sử dụng ổn định và diện tích 524m^2 ông Phạm Khắc N sử dụng thành thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P và quy chủ người sử dụng đất là hộ bà Nguyễn Thị R.

[8] Kiểm tra quá trình đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất thì hộ bà Nguyễn Thị R có đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp với diện tích 4.310m^2/03 thửa (gồm đất nhận khoán và đất kinh tế gia đình) và đóng thuế nhà đất với diện tích 300m^2 đất ở thuộc thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P và phần diện tích đất còn lại của thửa đất không đóng thuế.

[9] Sau khi có đơn khiếu nại của bà Bùi Thị L1 khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị R bao gồm cả phần diện tích đất của bà Bùi Thị L1 thì UBND huyện N mới phát hiện việc cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị R là trái với quy định của pháp luật. Do vậy, UBND huyện N đã ban hành Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 với nội dung: *"Việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 5, diện tích 1.639m^2, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P cho hộ bà Nguyễn Thị R theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu K 854645 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00893 QSDĐ/406/QĐ/H/1998 là không đúng quy định pháp luật, bởi vì tổng diện tích 1.639m^2 thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 14b xã P cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R có phần diện tích đất 524m^2 của vợ chồng bà Bùi Thị L1 khai hoang, cải tạo sử dụng từ năm 1980 sau đó cho con là ông Phạm Khắc N tiếp tục cải tạo, sử dụng và quản lý từ năm 1987 cho đến nay ...*

Sau khi UBND huyện ban hành thông báo cho hộ bà Nguyễn Thị R biết rõ lý do, sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho hộ bà Nguyễn Thị R mà không có đơn khiếu nại thì UBND huyện ban hành quyết định thu hồi và đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R".

[10] Từ những phân tích trên, việc UBND huyện N ban hành Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 về kết luận thẩm tra việc cấp QCNQSDĐ của hộ bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1 là có căn cứ,

đúng pháp luật. Việc ông Bùi L yêu cầu hủy Thông báo này là không có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07-10-2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L (Viết tắt là Quyết định số 1963):

Như đã phân tích ở trên, UBND huyện N ban hành Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 về kết luận thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ của hộ bà Nguyễn Thị R theo đơn kiến nghị của bà Bùi Thị L1 là đúng với các quy định của pháp luật. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1963 có nội dung không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Bùi L và giữ nguyên nội dung Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ông Bùi L yêu cầu hủy Quyết định 1963 ngày 07-10-2016 của Chủ tịch UBND huyện N là không có cơ sở chấp nhận.

[11] Xét yêu cầu buộc UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Bùi L khoản lợi nhuận do hoa lợi mang lại là 3.000.000 đồng/ 03 tháng:

Theo quy định của Luật Tố tụng hành chính người khởi kiện có yêu cầu bồi thường thiệt hại có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu ông Bùi L cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu buộc UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N bồi thường thiệt hại cho gia đình ông khoản lợi nhuận do hoa lợi mang lại là 3.000.000 đồng/03 tháng, nhưng ông Bùi L không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông. Vì vậy yêu cầu khởi kiện này của ông không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Do đó Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N về kết luận thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ và Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07-10-2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L, cư ngụ tại thôn T, xã P, huyện N là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[13] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi L cũng như lời trình bày của vị luật sư yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N và Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07-10-2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L, cư ngụ tại thôn T, xã P, huyện N.

[14] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vị luật sư cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi L cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm tình tiết chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho việc yêu cầu kháng cáo của ông Bùi L.

Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử xét kháng cáo của ông Bùi L là không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông Bùi L. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận

kháng cáo của ông Bùi L. Giữ nguyên quyết định bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

[15] Về án phí: ông Bùi L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi L.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 20-9-2017 của Tòa án nhân dân tinh Ninh Thuận.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206, Điều 213 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi L về việc:

- Hủy Thông báo số 459/TB-UBND ngày 07-7-2016 của UBND huyện N về kết luận thẩm tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hủy Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07-10-2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi L.

- Buộc UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Bùi L khoản lợi nhuận do hoa lợi mang lại là 3.000.000đồng/03 tháng.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Về án phí: Ông Bùi L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, ông L đã nộp tạm ứng xong tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận theo biên lai thu tiền số 0013847 ngày 11-10-2017 do đó không phải nộp nữa.

Bản án Hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (1);
- Lưu: hồ sơ (2),VP(3),14b (LTTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười